

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giảm hơn 19 điểm trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,310.57 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 14/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Bất động sản giảm mạnh nhất, theo sau là ngành Hàng & Dịch vụ công nghiệp. Ở chiều ngược lại, ngành Công nghệ thông tin, Bán lẻ, Ô tô và phụ tùng, Tài nguyên cơ bản có phiên giao dịch tích cực. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và mua ròng trên sàn HNX. VN-Index đã giảm xuống ngưỡng 1,310. Nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng trong những phiên tới, không thể bỏ qua trường hợp chỉ số có thể tiếp tục lùi về 1,300.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 09/06/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng suy yếu của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-19.32** điểm, đóng cửa tại **1310.57** điểm. HNX-Index **-2.12** điểm, đóng cửa tại **226.49** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **FPT (+0.42)**, **HPG (+0.38)**, **FRT (+0.18)**, **GAS (+0.17)**, **MBB (+0.14)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-5.71)**, **VHM (-4.77)**, **TCB (-0.90)**, **GVR (-0.60)**, **GEE (-0.51)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **16,391** tỷ đồng, giảm **-19.40%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 17,824 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 22.51 điểm. Thị trường có **84** mã tăng, 41 mã tham chiếu, **241** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-346.18** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **SHB (-75.07 tỷ)**, **HAH (-71.59 tỷ)**, **VCI (-58.21 tỷ)**, **PVD (-55.89 tỷ)**, **DIG (-37.40 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **33.55** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.63%**. Các mã diễn biến tích cực:
PVS (+1.53%) [\(Link báo cáo\)](#)
DBC (+1.51%) [\(Link báo cáo\)](#)
FPT (+1.04%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **-1.63%**. Các mã diễn biến tích cực:
FRT (+3.27%)
DGW (+2.97%) [\(Link báo cáo\)](#)
TCH (+1.01%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.63%	-1.63%	-1.45%	-1.58%
1 tuần	-0.16%	0.97%	-1.93%	-1.86%
1 tháng	4.99%	6.53%	3.41%	3.28%
3 tháng	-6.35%	-4.27%	-1.65%	0.21%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,310.57	226.49	98.19
% 1D	-1.45%	-0.93%	-0.71%
GTKL (tỷ VND)	16,391	1,487	413
%1D	-19.40%	-27.70%	-39.02%
GDNN (tỷ VND)	-346.18	33.55	-26.32

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
GEX	82.83	SHB	-75.07
HPG	55.57	HAH	-71.59
VHM	46.23	VCI	-58.21
EIB	39.66	PVD	-55.89
BAF	34.93	DIG	-37.40

Thị trường thế giới

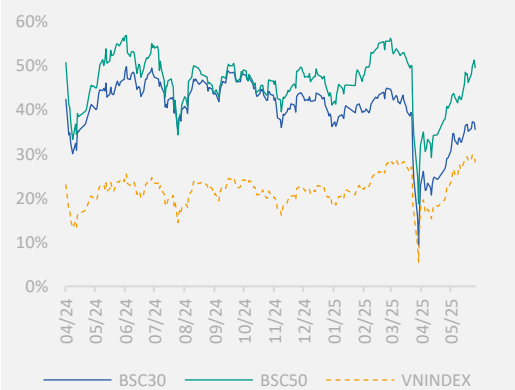
		%D	%W
SPX	6,000	1.03%	1.50%
FTSE100	8,838	0.30%	0.75%
Eurostoxx	5,425	0.31%	1.12%
Shanghai	3,398	0.38%	1.51%
Nikkei	38,089	0.92%	1.60%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	64.51	-2.95%
Giá vàng	3,322	-0.73%
Tỷ giá		
USD/VND	26,220	0.00%
EUR/VND	30,510	-0.13%
JPY/VND	184	-0.54%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.3%	0.01%
LS LNH 1M	4.0%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC tổng hợp

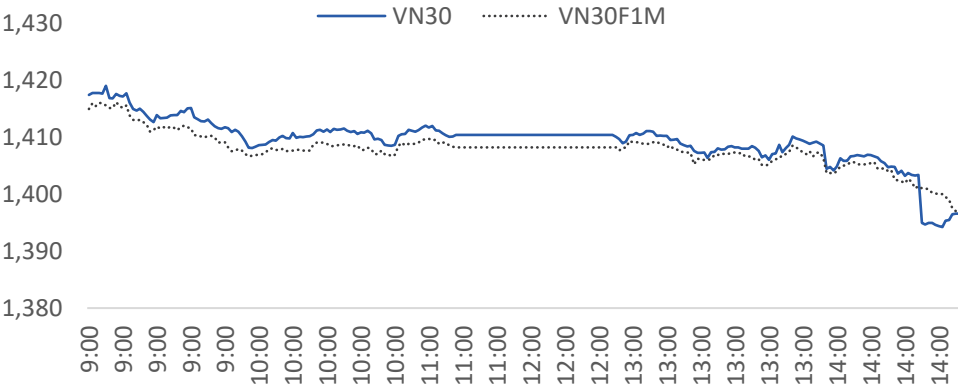
Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1397.40	-0.99%	55	-35.3%	9/18/2025	101
VN30F2512	1396.00	-1.00%	64	-29.7%	12/18/2025	192
4111F7000	1399.90	-0.93%	402	-24.3%	7/17/2025	38
VN30F2506	1397.00	-1.17%	149,944	-14.6%	6/19/2025	10

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 -22.41 điểm, đóng cửa tại 1396.56 điểm. Biên độ dao động 24.85 điểm. Các cổ phiếu như VIC, VHM, TCB, VRE, MSN tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 đóng cửa trong sắc đỏ với thanh khoản thấp. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới trong bối cảnh thị trường chờ đợi thêm những thông tin hỗ trợ.
- Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều giảm.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVPB2412	6/30/2025	21	374,900	-87.02%	2.28	20	100.0%	8.00	2.32	17.85	17.85
CFPT2507	8/5/2025	57	100	-84.46%	15.50	320	60.0%	12.60	18.06	116.20	116.20
CHPG2507	6/30/2025	21	47,800	-88.14%	2.96	80	60.0%	11.67	3.12	26.30	26.30
CMSN2504	6/30/2025	21	6,800	-87.63%	7.77	40	33.3%	14.09	7.93	64.10	64.10
CFPT2501	7/28/2025	49	72,600	-85.54%	16.00	80	14.3%	10.03	16.80	116.20	116.20
CMWG2506	6/30/2025	21	50,000	-88.10%	6.69	170	13.3%	17.94	7.20	60.50	60.50
CVNM2406	7/28/2025	49	184,100	-86.86%	6.85	110	10.0%	12.65	7.27	55.30	55.30
CFPT2509	11/19/2025	163	110,500	-74.40%	14.00	630	8.6%	4.10	29.75	116.20	116.20
CMBB2507	2/5/2026	241	188,400	-74.43%	2.40	1,900	8.6%	10.96	6.20	24.25	24.25
CHPG2515	12/19/2025	193	255,800	-81.51%	3.22	410	7.9%	5.79	4.86	26.30	26.30
CHPG2512	9/19/2025	102	276,300	-83.31%	2.99	350	6.1%	5.84	4.39	26.30	26.30
CVPB2510	2/23/2026	259	86,800	-78.67%	2.37	740	5.7%	7.99	3.81	17.85	17.85
CACB2506	6/30/2025	21	8,900	-85.41%	2.74	190	5.6%	10.90	3.06	20.95	20.95
CHPG2516	2/23/2026	259	309,700	-78.44%	3.31	590	5.4%	5.77	5.67	26.30	26.30
CFPT2508	2/5/2026	241	16,200	-79.21%	16.00	1,020	5.2%	12.59	24.16	116.20	116.20
CVNM2508	11/19/2025	163	20,200	-81.61%	7.00	410	5.1%	6.27	10.17	55.30	55.30
CHPG2514	11/19/2025	163	28,100	-81.27%	3.17	440	4.8%	5.80	4.93	26.30	26.30
CFPT2502	10/27/2025	140	90,400	-83.39%	17.00	230	4.5%	9.95	19.30	116.20	116.20
CMWG2406	7/28/2025	49	562,600	-85.85%	6.60	490	4.3%	13.49	8.56	60.50	60.50
CFPT2510	2/23/2026	259	13,400	-70.61%	15.40	750	4.2%	4.05	34.15	116.20	116.20

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 09/06/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng suy yếu của cổ phiếu cơ sở.
- CVPB2412 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 100.00%. CTCB2503 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 7.07%.
- CMBB2407, CVIC2503, CVIC2405, CVIC2502, CVHM2408 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVHM2504, CVIC2503, CFPT2402, CVRE2504, CVIC2405 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	116.20	1.04%	1.39
HPG	26.30	0.96%	1.30
STB	41.95	0.48%	0.24
MBB	24.25	0.41%	0.21
VPB	17.85	0.28%	0.13

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VIC	90.30	-6.91%	-10.22
VHM	70.70	-6.97%	-7.23
TCB	29.75	-1.82%	-1.57
VRE	25.55	-3.58%	-1.24
MSN	64.10	-1.38%	-1.04

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
FPT	116.20	1.04%	0.42	1.47
HPG	26.30	0.96%	0.38	6.40
FRT	170.40	3.27%	0.18	0.14
GAS	63.30	0.48%	0.17	2.34
MBB	24.25	0.41%	0.14	6.10

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVS	33.20	1.53%	0.16	0.48
CEO	18.40	1.66%	0.11	0.54
PGS	32.50	7.97%	0.08	0.05
VC6	40.40	9.78%	0.02	0.01
VNR	21.90	0.92%	0.02	0.18

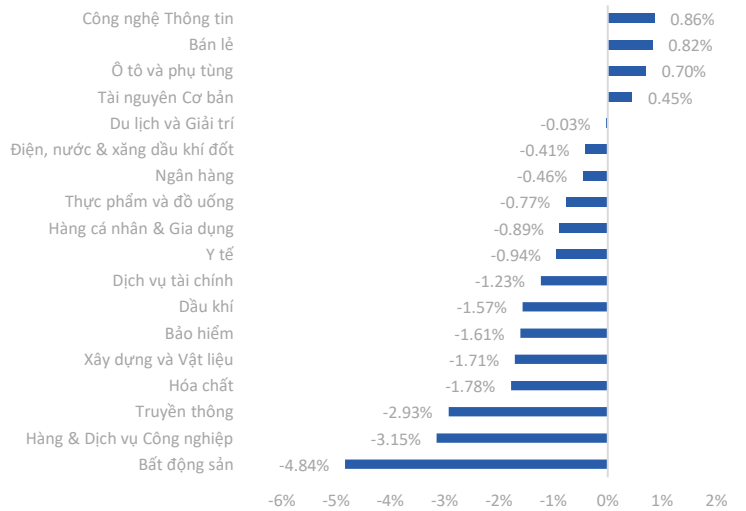
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
LIX	30.85	6.93%	0.03	0.31
HSL	5.42	6.90%	0.00	0.67
PTL	2.68	6.77%	0.00	0.26
CCC	15.10	6.71%	0.01	0.27
HAS	8.20	6.49%	0.00	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SGH	26.60	9.92%	0.12	0.00
VC6	40.40	9.78%	0.16	0.00
ADC	20.30	9.73%	0.03	0.00
TKU	15.70	9.03%	0.25	0.00
BPC	12.30	8.85%	0.02	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	90.30	-6.91%	-5.71	3.88
VHM	70.70	-6.97%	-4.77	4.11
TCB	29.75	-1.82%	-0.90	7.06
GVR	27.70	-2.29%	-0.60	4.00
GEE	91.10	-6.47%	-0.51	0.37

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	166.00	-4.60%	-0.99	0.20
HUT	13.70	-3.52%	-0.28	0.89
IDC	40.20	-3.13%	-0.27	0.33
THD	29.40	-2.65%	-0.19	0.38
NTP	73.30	-2.27%	-0.15	0.14

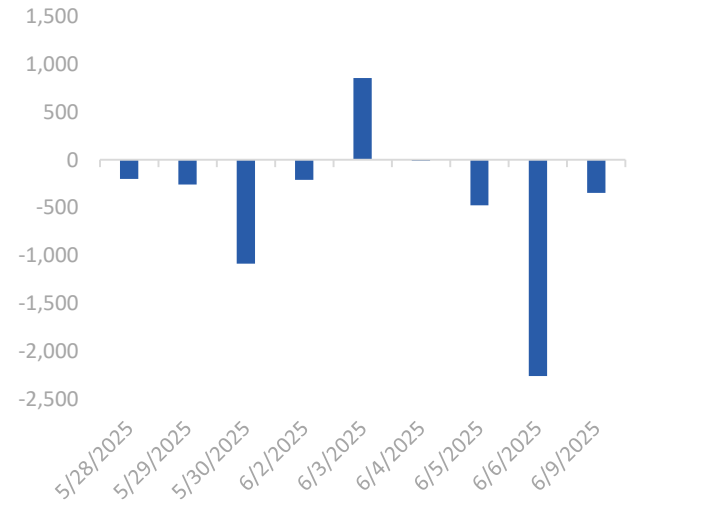
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VPG	8.38	-6.99%	-0.01	0.52
HAH	70.70	-6.97%	-0.15	4.05
VHM	70.70	-6.97%	-4.76	5.89
JVC	4.84	-6.92%	-0.01	0.95
VIC	90.30	-6.91%	-5.61	3.78

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VLA	10.20	-9.73%	-0.01	0.00
HEV	17.90	-9.60%	-0.01	0.00
SMT	8.60	-9.47%	-0.02	0.00
DL1	8.00	-8.05%	-0.26	2.98
KSD	4.60	-8.00%	-0.02	0.00

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	60.5	0.0%	1.4	89,475	468.7	2,979	20.3		47.8%	
KBC	Bất động sản	25.0	-2.2%	1.3	19,574	161.4	1,629	15.7		17.6%	
KDH	Bất động sản	29.9	0.8%	1.3	29,930	88.1	896	33.0		35.8%	
PDR	Bất động sản	17.7	-0.6%	1.6	16,149	174.5	180	98.9	23,600	9.9%	Link
VHM	Bất động sản	70.7	-7.0%	1.0	312,163	432.8	7,766	9.8	58,200	11.2%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	116.2	1.0%	0.8	170,353	522.0	5,615	20.5	136,500	41.0%	Link
BSR	Dầu khí	17.6	-2.0%	0.0	55,654	54.7	(37)	-488.3		0.2%	
PVS	Dầu khí	33.2	1.5%	1.5	15,629	248.5	2,303	14.2	39	14.9%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	25.5	-0.4%	1.4	18,395	154.4	1,394	18.3		38.5%	
SSI	Dịch vụ tài chính	23.4	-1.1%	1.2	46,300	368.9	1,546	15.3		34.3%	
VCI	Dịch vụ tài chính	35.2	-2.0%	1.4	25,780	242.6	1,602	22.4		29.4%	
DCM	Hóa chất	33.4	-1.0%	1.4	17,867	93.8	2,805	12.0	37,800	5.2%	Link
DGC	Hóa chất	88.1	-1.9%	1.5	34,104	98.0	8,224	10.9	109,300	14.6%	Link
ACB	Ngân hàng	21.0	-0.2%	0.9	107,870	119.9	3,224	6.5	30,400	29.9%	Link
BID	Ngân hàng	35.3	0.0%	1.0	247,503	58.3	3,643	9.7	47,000	17.6%	Link
CTG	Ngân hàng	38.0	-0.5%	1.2	205,134	134.9	4,806	8.0	50,000	27.0%	Link
HDB	Ngân hàng	21.5	-1.6%	1.1	76,192	167.8	3,985	5.5		16.8%	
MBB	Ngân hàng	24.3	0.4%	1.0	147,370	319.0	4,049	6.0	28,200	23.2%	Link
MSB	Ngân hàng	11.6	-0.4%	1.1	30,160	261.7	2,150	5.4	14,000	27.5%	Link
STB	Ngân hàng	42.0	0.5%	1.0	78,708	462.8	5,767	7.2		20.6%	
TCB	Ngân hàng	29.8	-1.8%	1.1	214,065	649.9	3,013	10.1	32,700	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	13.1	-0.4%	1.1	34,610	90.0	2,383	5.5	-	22.9%	Link
VCB	Ngân hàng	55.9	-0.4%	0.8	468,753	127.7	4,063	13.8	69,200	22.1%	Link
VIB	Ngân hàng	17.9	0.0%	1.0	53,177	37.2	2,400	7.4	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	17.9	0.3%	0.9	141,224	303.8	2,030	8.8	24,000	24.4%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.3	1.0%	1.3	166,622	661.2	1,954	13.3	35,800	21.7%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	16.0	-1.2%	1.5	10,060	60.4	749	21.6	16,800	8.6%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	30.3	1.5%	1.5	9,973	371.2	3,930	7.6	32,200	3.2%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	64.1	-1.4%	1.3	93,493	332.4	1,518	42.8	82,500	24.7%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	55.3	0.0%	0.7	115,575	169.1	4,194	13.2		48.4%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	34.7	2.97%	1.4	7,386	77.3	2,098	16.1	19.2%	15.7%	Link
FRT	Bán lẻ	170.4	3.27%	0.9	22,480	154.0	3,279	50.3	32.7%	24.0%	
BVH	Bảo hiểm	48.6	-1.82%	1.2	36,745	27.5	2,975	16.6	27.1%	9.7%	
DIG	Bất động sản	18.1	0.56%	1.6	11,636	367.3	303	59.4	3.7%	2.5%	
DXG	Bất động sản	15.7	-1.26%	1.6	16,149	246.3	310	51.2	23.6%	2.5%	Link
HDC	Bất động sản	25.3	0.60%	1.4	4,486	123.5	443	56.8	2.9%	3.4%	
HDG	Bất động sản	26.5	-2.04%	1.4	9,081	62.2	839	32.2	19.6%	4.6%	Link
IDC	Bất động sản	40.2	-3.13%	1.4	13,695	89.4	4,982	8.3	17.2%	31.2%	
NLG	Bất động sản	37.5	0.54%	1.5	14,344	81.9	1,827	20.4	45.1%	7.4%	Link
SIP	Bất động sản	64.5	-4.73%	0.0	14,253	52.1	6,076	11.1	4.8%	29.7%	
SZC	Bất động sản	32.9	-3.94%	1.2	6,165	84.0	2,036	16.8	2.5%	11.8%	Link
TCH	Bất động sản	20.1	1.01%	1.4	13,297	151.8	1,279	15.6	9.7%	9.1%	Link
VIC	Bất động sản	90.3	-6.91%	1.0	370,895	354.3	2,823	34.4	7.8%	8.0%	
VRE	Bất động sản	25.6	-3.58%	0.9	60,216	179.6	1,844	14.4	18.1%	10.1%	
CMG	Công nghệ Thông tin	34.3	-1.01%	1.3	7,322	22.2	1,654	21.0	36.2%	12.5%	
PLX	Dầu khí	37.0	-1.07%	1.0	47,520	81.2	1,535	24.4	17.2%	7.6%	Link
PVD	Dầu khí	19.2	-1.79%	1.3	10,840	117.0	1,246	15.7	5.8%	4.4%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	35.9	-0.69%	1.5	12,148	95.3	1,650	21.9	27.8%	13.7%	
MBS	Dịch vụ tài chính	26.7	-1.48%	1.6	15,522	103.9	1,650	16.4	7.1%	12.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	63.3	0.48%	1.1	147,588	34.9	4,543	13.9	1.8%	17.0%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13.1	-2.24%	1.3	31,381	138.2	546	24.5	3.6%	4.0%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	77.0	-1.28%	0.8	36,739	76.7	4,511	17.3	49.0%	11.4%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	88.8	-1.33%	0.7	48,745	133.9	2,783	32.3	12.2%	8.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	35.0	-2.78%	1.5	32,486	338.9	1,954	18.4	8.6%	12.8%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	55.1	-4.17%	1.2	24,161	167.9	3,797	15.1	40.1%	11.9%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	70.7	-6.97%	1.3	9,872	293.7	5,594	13.6	8.8%	25.8%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	22.5	-1.75%	1.2	8,153	44.4	3,026	7.6	10.3%	14.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	110.6	1.00%	0.0	13,335	75.5	3,235	33.9	5.9%	24.9%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	74.6	-1.45%	1.2	25,579	51.7	6,105	12.4	48.8%	18.6%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	29.5	-1.83%	1.0	3,361	33.2	2,869	11.5	50.0%	13.2%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	18.4	-3.16%	1.6	2,329	29.5	2,580	7.4	16.3%	17.0%	Link
DPM	Hóa chất	33.8	0.60%	1.1	13,149	60.8	1,223	27.5	6.9%	4.3%	Link
GVR	Hóa chất	27.7	-2.29%	1.4	113,400	79.3	1,174	24.1	0.9%	8.9%	
EIB	Ngân hàng	23.1	-4.15%	1.1	44,892	401.0	1,856	13.0	4.8%	14.0%	Link
LPB	Ngân hàng	31.3	0.16%	0.5	93,203	59.0	3,333	9.4	0.8%	23.7%	
NAB	Ngân hàng	16.5	-1.20%	0.0	22,922	17.6	2,809	5.9	1.8%	20.4%	
OCB	Ngân hàng	10.8	0.00%	1.0	26,507	21.2	1,189	9.0	19.3%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	13.1	-2.24%	1.5	5,997	133.7	1,122	11.9	5.2%	5.9%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	15.8	-1.87%	1.5	4,273	24.3	612	26.2	0.9%	5.7%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	35.4	-0.28%	0.7	10,793	184.1	1,415	25.1	2.4%	12.2%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	48.9	-0.41%	0.7	62,910	48.6	3,217	15.3	59.1%	17.2%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	54.0	-3.23%	1.3	12,524	42.3	5,567	10.0	22.0%	14.4%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	133.1	-2.92%	0.9	11,223	34.0	13,288	10.3	85.7%	38.6%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	79.3	-1.25%	1.4	8,024	63.4	3,238	24.8	48.6%	3.7%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	88.8	-1.33%	1.3	10,295	30.0	4,754	18.9	8.7%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	65.5	-2.09%	1.6	4,215	86.5	3,738	17.9	8.6%	12.2%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.2	-1.62%	1.4	5,851	104.0	1,093	11.3	10.6%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	22.6	-1.31%	1.2	8,190	51.6	1,237	18.5	17.2%	8.1%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	21.4	-2.51%	1.3	13,139	218.8	988	22.2	6.6%	7.4%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	44.0	-3.72%	1.4	20,490	49.9	2,720	16.8	5.6%	14.6%	

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
3	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
4	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
5	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
6	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
7	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
8	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
9	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
10	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
19	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
20	Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2024		x	Click
21	Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2024		x	Click
22	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
23	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
24	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>